TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 92/2022/HS-ST
Ngày: 15/6/2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Khuyên

Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Chinh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Hữu Tới

Ông Lê Quang Vinh

Bà Nguyễn Ngọc Trang

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Kim Oanh – Thư ký TAND tỉnh Thanh Hóa

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa:

Ông Lê Hữu Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 6 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 58/2022/TLST-HS ngày 05 tháng 3 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 78/2022/QĐXXST-HS ngày 30 tháng 5 năm 2022 đối với bị cáo:

Nguyễn Đăng T - sinh năm 1982 tại huyện TX, tỉnh TH; Nơi cư trú: Thôn HL, xã NP, huyện TX, tỉnh TH; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Đăng L và bà Nguyễn Thị T1; có vợ là Lang Thị K và 02 con (con lớn sinh năm 2005, con nhỏ sinh năm 2012); tiền án, tiền sự: Không; Bị bắt tạm giam từ ngày 07/10/2021 đến nay tại Trại tạm giam Công an tỉnh Thanh Hóa; Có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo:* Bà Nguyễn Thị Hằng – Luật sư của Công ty Luật TNHH Năm Châu thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Thanh Hóa (Địa chỉ: Số 76 Triệu Quốc Đạt, phường Điện Biên, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa); Có mặt.

- *Bị hại*: Trịnh Đình P – sinh năm 1972; Nơi cư trú: Thôn QT, xã NP, huyện TX, tỉnh TH; Có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

Anh Phạm Xuân T2 – sinh năm 1993; Nơi cư trú: Khu 2, thị trấn TX, huyện TX, tỉnh TH; Vắng mặt.

Anh Hồ Quang H – sinh năm 1982; Nơi cư trú: Số 16 ngõ 147, phường

ĐC, quận BĐ, thành phố HN; Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Năm 2018 gia đình ông Trịnh Đình P, sinh năm 1972 ở xã VX, huyện TX, tỉnh TH có con rể là anh Phạm Xuân T2 hiện đang công tác tại Công an tỉnh S. Do anh T2 đang công tác xa nhà nên ông P có nhu cầu xin chuyển công tác cho anh T2 từ Công an tỉnh S về Công an tỉnh TH để ổn định cuộc sống gia đình.

Thông qua mối quan hệ từ trước, biết gia đình ông P đang muốn xin chuyển công tác cho con rể từ Công an tỉnh S về Công an tỉnh TH, Nguyễn Đăng T đã chủ động gặp ông P đặt vấn đề, nhận xin chuyển công tác cho anh T2. Khi trao đổi với ông P, Nguyễn Đăng T nói bản thân có nhiều mối quan hệ, có khả năng xin chuyển công tác được cho anh T2 từ Công an tỉnh S về Công an tỉnh TH, chi phí hết khoảng 500.000.000đ, thời gian 01 đến 02 tháng sẽ có quyết định. Nghe T nói vậy, ông P đồng ý, từ ngày 17/7/2018 đến ngày 10/10/2018, ông P đã đưa cho T 05 lần tiền để xin chuyển công tác cho anh T2. Cụ thể: Ngày 17/7/2018 ông P đưa cho T 100.000.000đ tại gia đình ông P, sau đó ông P đưa tiếp cho T 02 lần tiền để đi lo việc (một lần 10.000.000đ và một lần 15.000.000đ). Cả 03 lần đưa tiền này ông P và T không viết giấy tờ gì với nhau. Ngày 24/9/2018, ông P giao tiếp cho T 200.000.000đ tại gia đình ông P theo yêu cầu của T, nhận số tiền này T viết cho ông P 01 giấy vay tiền tổng là 325.000.000đ, bao gồm cả số tiền của 03 lần lấy trước. Đến ngày 10/10/2018 T đến nhà ông P lấy số tiền còn lại là 175.000.000đ để đi lấy quyết định. Tổng số tiền mà T đã nhận của ông P là 500.000.000đ. Theo T khai: Trong thời gian làm thợ xây, T quen một người là Lê Văn H1, sinh năm 1973 ở thành phố HN (không biết địa chỉ cụ thể, không nhớ số điện thoại), người này đã dẫn T đến Công ty TNHH Hùng Anh ở phường ĐT, thành phố TH một vài lần để liên hệ công việc xây dựng. Qua trao đổi, T biết H1 có nhiều mối quan hệ, có thể xin chuyển công tác được cho anh T2 nên đã trao đổi và nhận số tiền 500.000.000đ của ông P để xin chuyển công tác cho anh T2. Sau khi nhận tiền của ông P, T đều gọi H1 để đưa, nhưng H1 không trực tiếp nhận, mà nhờ người khác nhận hộ, số tiền T đã đưa cho anh H1 là 475.000.000đ, tất cả những lần đưa tiền đều không viết giấy, không biết tên, địa chỉ của những người nhận hộ này. Ngoài ra, anh H1 bảo chuyển cho một người trên S (không biết tên, địa chỉ) số tiền 15.000.000đ, T đã nói gia đình ông P chuyển số tiền này, còn lại 10.000.000đ T sử dụng chi tiêu cá nhân.

Nhận tiền của ông Trịnh Đình P nhưng T không xin chuyển công tác cho anh T2 như đã hứa, ông P nhiều lần yêu cầu trả lại tiền nhưng T không trả mà đưa ra nhiều lý do để khất nợ nên ông P đã tố cáo hành vi của T đến Công an tỉnh Thanh Hóa để giải quyết.

Ngày 20/4/2021, Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thanh Hóa kết luận: Chữ viết phần nội dung và chữ ký Nguyễn Đăng T trên các giấy vay tiền, giấy hẹn trả nợ là chữ viết, chữ ký của Nguyễn Đăng T.

Quá trình điều tra, Nguyễn Đăng T đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai người bị hại và các tài liệu thu thập được có trong hồ sơ vụ án. Tuy nhiên, T khai số tiền nhận của ông P, T chuyển cho một người tên là Lê Văn H1 475.000.000đ và nhờ anh T2 con rể của ông P chuyển cho một người trên tỉnh S 15.000.000đ để xin chuyển công tác cho anh T2, nhưng T không cung cấp được tài liệu, chứng cứ nào để chứng minh việc đưa số tiền này, anh T2 và ông P không thừa nhận việc chuyển tiền cho người trên tỉnh S nên T phải chịu trách nhiệm về số tiền này. Ngày 06/02/2021 T đã trả lại cho ông P được 150.000.000đ, ngày 14/6/2022 gia đình bị cáo bồi thường thêm 15.000.000đ nộp tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hóa, còn lại 335.000.000đ đến nay vẫn chưa trả.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa vẫn giữ nguyên cáo trạng truy tố bị cáo Nguyễn Đăng T về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản". Đề nghị HĐXX áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 38 BLHS, xử phạt bị cáo Nguyễn Đăng T từ 09 đến 10 năm tù. Do bị cáo có hoàn cảnh khó khăn nên miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

Về dân sự: Buộc bị cáo Nguyễn Đăng T phải bồi thường cho bị hại Trịnh Đình P số tiền 500.000.000đ, bị cáo đã bồi thường được 165.000.000đ, còn lại 335.000.000đ buộc bị cáo phải bồi thường tiếp.

Buộc bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Quan điểm bào chữa của Luật sư: Không tranh luận với đại diện VKS về tội danh và điều luật. Tuy nhiên mức hình phạt mà đại diện VKS đề nghị với bị cáo là có phần nghiêm khắc. Đề nghị HĐXX xem xét đến ý chí của bị cáo xuất phát từ việc muốn giúp bị hại nhưng do thiếu hiểu biết pháp luật nên đã phạm tội, ngoài ra cần xem xét đến các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo gồm: bị cáo thành khẩn khai báo, sau khi phạm tội đã khắc phục một phần hậu quả cho bị hại, cụ thể đã bồi thường được 165.000.000đ, vợ bị cáo có thành tích trong công tác giảng dạy và được tặng danh hiệu chiến sĩ thi đua cơ sở, bố vợ bị cáo là thương binh, gia đình bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, sinh sống ở vùng núi và là hộ cận nghèo, bị cáo có nhân thân tốt, để xử phạt bị cáo mức án nhẹ hơn mức mà VKS đã đề nghị.

Bị cáo nói lời sau cùng mong HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh Thanh Hóa, Điều tra viên, VKSND tỉnh Thanh Hóa, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của BLTTHS. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người bào chữa cho bị cáo, và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do

đó các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Đăng T thừa nhận hành vi như cáo trạng đã truy tố: Nguyễn Đăng T là lao động tự do, không có khả năng tuyển dụng, điều động, luân chuyển công tác trong lực lượng Công an. Nhưng năm 2018, tại huyện TX, tỉnh TH, T đã có hành vi gian dối, đưa ra thông tin mình có nhiều mối quan hệ, có khả năng xin chuyển công tác được cho anh Phạm Xuân T2 (con rể ông Trịnh Đình P) từ Công an tỉnh S về Công an tỉnh TH, thời hạn 01 đến 02 tháng sẽ có quyết định. Do tin tưởng, ông P đã đưa cho T tổng số tiền là 500.000.000đ, nhận tiền của ông P, Nguyễn Đăng T không liên hệ với ai để xin chuyển công tác cho anh T2 mà chiếm đoạt chi tiêu cá nhân. Ông P đã nhiều lần yêu cầu trả lại tiền nhưng đến nay T mới trả cho ông P được 165.000.000đ, số tiền còn lại bị cáo chưa trả.

Do đó, cáo trạng của VKSND tỉnh Thanh Hóa truy tố bị cáo Nguyễn Đăng T về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo điểm a khoản 4 Điều 174 BLHS là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Xét tính chất của vụ án:

Xét tính chất vụ án là đặc biệt nghiêm trọng, số tiền chiếm đoạt có giá trị lớn, xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của công dân, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an và an toàn xã hội. Do đó phải được xử lý nghiêm minh bằng pháp luật hình sự mới đáp ứng được yêu cầu phòng ngừa chung và giáo dục riêng.

[4] Về tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo:

- Về tình tiết tăng nặng: Không có.

- Về tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo thành khẩn khai báo, đã bồi thường khắc phục một phần hậu quả cho bị hại; vợ bị cáo là Lang Thị K được tặng danh hiệu chiến sĩ thi đua vì có thành tích xuất sắc trong giảng dạy, bố vợ bị cáo là ông Lang Văn P1 là thương binh hạng 4/4, tại phiên tòa bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đây là những tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS.

- Về nhân thân của bị cáo từ trước đến ngày phạm tội có nhân thân tốt, hoàn cảnh gia đình khó khăn là hộ cận nghèo.

[5] Căn cứ vào điểm a khoản 4 Điều 174 BLHS, cân nhắc tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo. Hội đồng xét xử xét thấy cần phải buộc bị cáo cách ly khỏi xã hội một thời gian dài mới có tác dụng giáo dục cải tạo đối với bị cáo trở thành người công dân có ích cho xã hội. Tuy nhiên khi quyết định hình phạt đối với bị cáo cũng cần xem xét về nhân thân của bị cáo trước khi phạm tội là người tốt, bị cáo có 02 tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 1 Điều 51 BLHS, do đó áp dụng khoản 1 Điều 54 BLHS để xử phạt bị

cáo mức án dưới mức thấp nhất của khung hình phạt, để bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật, yên tâm cải tạo sớm trở về đoàn tụ với gia đình.

[6] Về trách nhiệm dân sự:

Căn cứ vào khoản 1, Điều 48 BLHS; các Điều 584; 585; 586 BLDS và đề nghị của người bị hại. Cần buộc bị cáo Nguyễn Đăng T phải trả lại tài sản đã chiếm đoạt cho ông Trịnh Đình P là 500.000.000đ, công nhận ngày 06/02/2021 bị cáo đã bồi thường được 150.000.000đ, ngày 14/6/2022 gia đình bị cáo bồi thường thêm 15.000.000đ theo Biên lai thu tiền số AA/2021/0007974 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hóa, tổng cộng bị cáo và gia đình đã bồi thường cho bị hại được 165.000.000đ, còn phải bồi thường tiếp 335.000.000đ.

[7] Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm (do bị cáo thuộc hộ cận nghèo) theo quy định tại khoản 2 Điều 136 BLTTHS; điểm a, c khoản 1 Điều 23; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

***Áp dụng**: Điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 38 BLHS.

***Tuyên bố:** Bị cáo Nguyễn Đăng T phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

***Xử phạt:** Bị cáo Nguyễn Đăng T 09 (chín) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giam 07/10/2021.

***Về bồi thường dân sự**: Áp dụng khoản 1 Điều 48 BLHS; các Điều 584, 585, 586 BLDS buộc bị cáo Nguyễn Đăng T phải bồi thường cho bị hại Trịnh Đình P số tiền 500.000.000đ. Bị cáo đã bồi thường được 165.000.000đ, còn phải bồi thường tiếp 335.000.000đ.

Kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu không thi hành thì phải chịu lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự. Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được T hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

***Về án phí**: Áp dụng các điểm a, c khoản 1 Điều 23; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 về án phí, lệ phí Tòa án, buộc bị cáo Nguyễn Đăng T phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm, bị cáo được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

***Về quyền kháng cáo**: Bị cáo, bị hại có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng

mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa (P3);
- CQCSĐT Công an tỉnh Thanh Hóa;
- CQTHAHS Công an tỉnh Thanh Hóa;
- Cục THADS tỉnh Thanh Hóa;
- Bị cáo; Người bào chữa;
- Bị hại;
- Người có QL,NVLQ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Khuyên